

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hưng Sơn

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1995

Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Hộ khẩu thường trú: ấp D, xã N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

Nơi ở hiện nay: ấp C, xã N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn Bảo K, sinh năm: 1993

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa

Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

Nơi ở hiện nay: ấp C, xã N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 28/02/2019; các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu được ly hôn bị đơn anh Nguyễn Bảo K, lý do xin ly hôn theo chị N là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, khi kết hôn về chung sống với nhau không hòa hợp, không hạnh phúc vợ chồng không tìm được tiếng nói chung thường xảy ra cãi vã, từ

ngày 19/01/2019 do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân (photo chứng thực); sổ hộ khẩu (photo chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); đơn xin xác nhận; bản tự khai.

- Theo bản tự khai tại Tòa án của bị đơn anh Nguyễn Bảo K thể hiện: anh và chị N qua quá trình tìm hiểu nhau được 01 năm thì tiến tới hôn nhân, khi kết hôn về chung sống với nhau được 20 ngày thì vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K có nhu cầu sinh hoạt vợ chồng nhưng chị N không đồng ý nên dẫn đến vợ chồng bất hòa, nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nữa nên đồng ý ly hôn, nhưng do anh theo tôn giáo Thiên chúa nên anh không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn. Về con chung không có nên không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung anh xác định không có nên không yêu cầu. Anh Nguyễn Bảo K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản tự khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn anh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn anh K; về con chung: không có nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; chị N chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Bảo K, nên đây là vụ án về "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh K nên xác định chị N là nguyên đơn và anh K là bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Bảo K có HKTT và nơi cư trú tại: ấp C, xã N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Bảo K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của BLTTDTòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Nguyễn Bảo K tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 26/10/2018 (BL 18,19), nên hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N nhận thấy: theo trình bày của chị N do vợ chồng bất đồng về quan điểm, khi kết hôn về chung sống với nhau không hòa hợp, không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung thường xảy ra cãi vã, từ ngày 19/01/2019 do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy: căn cứ vào trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh K đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã không còn tồn tại trên thực tế, anh K cũng thừa nhận về việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung (BL 20). Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; như vậy, đối chiếu với quy định này cho thấy chị N và anh K đã không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GD thì “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”, Hội đồng xét xử quyết định cho chị N ly hôn anh K là phù hợp.

Về con chung: anh chị không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị N phải chịu án phí sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 56, 58 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Ngọc N ly hôn anh Nguyễn Bảo K.

2. Về con chung: không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 004781 ngày 08/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ TÙNG